

Phụ lục 01
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tại đơn vị; Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL).

- Việc xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của đơn vị; kết quả triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính của Bộ.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực).

- Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng.

2. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: Nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả, tác động của thông tin tuyên truyền đối với đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị.

3. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO
CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật và đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

b) Việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

- Tình hình thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

- Tình hình, kết quả thực hiện việc rà soát, thống kê, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

c) Việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính. Vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Cổng dịch vụ công của Bộ và Cổng dịch vụ công Quốc gia.

d) Việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Tình hình, kết quả thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Kết quả thực hiện số hóa kết quả, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

e) Việc thực hiện phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính và kết quả thực hiện phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính.

g) Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị.

h) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc triển khai các quy định về tổ chức bộ máy

b) Tổ chức sắp xếp và kiện toàn các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý

- Kết quả thực hiện Quyết định của Bộ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

- Việc thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của đơn vị. Việc triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

c) Việc thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, tinh gọn đầu mối đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Về phân cấp, phân quyền

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp do Chính phủ ban hành.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị đã phân cấp cho địa phương.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc triển khai các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị

b) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

c) Việc tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành cơ chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.

- Việc thực hiện dịch vụ công một phần và toàn trình.

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được tại từng lĩnh vực theo Nghị quyết 76/NQ-CP tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật trên cả 06 nội dung của Chương trình tổng thể theo Nghị quyết 76/NQ-CP.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, các bộ, ngành đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Chính phủ, các bộ, ngành phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

1. Về cải cách thể chế
2. Về cải cách thủ tục hành chính
3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
4. Về cải cách chế độ công vụ
5. Về cải cách tài chính công
6. Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.
2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.
3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1a
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của các đơn vị

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Thống kê TTHC					
-	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa					
-	Số TTHC công bố mới					
-	Số TTHC bãi bỏ, thay thế					
-	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý					
+	<i>Số TTHC cấp Trung ương</i>					
+	<i>Số TTHC cấp tỉnh</i>					
+	<i>Số TTHC cấp huyện</i>					
+	<i>Số TTHC cấp xã</i>					
2	Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh					
-	Tổng số quy định đã được thống kê					
-	Số quy định đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa					
-	Số quy định đã chính thức được cắt giảm, đơn giản hóa					
-	Chi phí tuân thủ quy định đã giảm sau khi thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa					
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
-	Số TTHC liên thông cùng cấp					
-	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền					
-	Số TTHC (thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan) đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					
4	Kết quả giải quyết TTHC					
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn					
+	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã</i>					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	<i>giải quyết xong</i>					
+	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>					
-	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC					
+	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>					
+	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>					
5	Số hóa hồ sơ					
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC					
	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa					
	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử					